

## THÔNG BÁO

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng, độ chênh giữa các tổ hợp xét tuyển  
theo phương thức xét điểm thi THPT và bảng quy đổi điểm tương đương  
giữa các phương thức xét tuyển năm 2026**

Căn cứ hướng dẫn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ quyết định số 1962/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề trình độ đại học năm 2026;

Căn cứ hướng dẫn số 4228/BGDĐT-GDDH ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026, điểm học tập bậc trung học phổ thông.

Trường Đại học Lương Thế Vinh thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng, độ chênh giữa các tổ hợp xét tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT và bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển năm 2026 cụ thể như sau:

### A. Ngưỡng điểm xét tuyển

#### 1) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đã dự thi tốt nghiệp và tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026

a) Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

b) Ngưỡng đầu vào (điểm xét tối thiểu) với các ngành (đối với thí sinh khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi theo thang điểm 30, không tính điểm cộng, không phân biệt kết quả thi của thí sinh học chương trình 2006 và 2018) theo tổ hợp xét tuyển của phương thức 100 cụ thể như sau:

| STT | Ngành                       | Mã ngành | Ngưỡng xét tuyển của phương thức theo điểm thi TN THPT | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|----------|--------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Y học cổ truyền             | 7720115  | 20,0                                                   |         |
| 2   | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 7720603  | 18,0                                                   |         |
| 3   | Ngôn ngữ Anh                | 7220201  | 15,0                                                   |         |

| STT | Ngành                                   | Mã ngành | Ngưỡng xét tuyển của phương thức theo điểm thi TN THPT | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------|---------|
| 4   | Kế toán                                 | 7340301  | 15,0                                                   |         |
| 5   | Tài chính - Ngân hàng                   | 7340201  | 15,0                                                   |         |
| 6   | Quản trị kinh doanh                     | 7340101  | 15,0                                                   |         |
| 7   | Công nghệ thông tin                     | 7480201  | 15,0                                                   |         |
| 8   | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử        | 7510301  | 15,0                                                   |         |
| 9   | Kỹ thuật xây dựng                       | 7580201  | 15,0                                                   |         |
| 10  | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 7580205  | 15,0                                                   |         |
| 11  | Thú y                                   | 7640101  | 15,0                                                   |         |

b) Ngưỡng đầu vào (điểm xét tối thiểu) với các ngành (đối với thí sinh khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi theo thang điểm 30, không tính điểm cộng, không phân biệt kết quả thi của thí sinh học chương trình 2006 và 2018) theo tổ hợp xét tuyển của phương thức 200 (tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp) cụ thể như sau:

- Đối với ngành Y học cổ truyền phải đáp ứng: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên theo thang điểm 10 và có kết quả học tập cả năm các lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 22 điểm trở lên.

- Đối với ngành Phục hồi chức năng phải đáp ứng: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên và có kết quả học tập cả năm các lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 20 điểm trở lên.

- Đối với ngành khác: Kết quả học tập cả năm các lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 17 điểm trở lên.

d) Bảng quy đổi tương đương giữa điểm thi tốt nghiệp và điểm học tập THPT theo tổ hợp xét tuyển như sau:

| STT | Ngành                       | Mã ngành | Ngưỡng xét tuyển của phương thức theo điểm thi TN THPT | Ngưỡng xét tuyển của phương thức theo kết quả học tập THPT |
|-----|-----------------------------|----------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Y học cổ truyền             | 7720115  | 20,0                                                   | 22,0                                                       |
| 2   | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 7720603  | 18,0                                                   | 20,0                                                       |
| 3   | Ngôn ngữ Anh                | 7220201  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 4   | Kế toán                     | 7340301  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |

| STT | Ngành                                   | Mã ngành | Ngưỡng xét tuyển của phương thức theo điểm thi TN THPT | Ngưỡng xét tuyển của phương thức theo kết quả học tập THPT |
|-----|-----------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 5   | Tài chính - Ngân hàng                   | 7340201  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 6   | Quản trị kinh doanh                     | 7340101  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 7   | Công nghệ thông tin                     | 7480201  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 8   | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử        | 7510301  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 9   | Kỹ thuật xây dựng                       | 7580201  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 10  | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 7580205  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |
| 11  | Thú y                                   | 7640101  | 15,0                                                   | 17,0                                                       |

Trong đó, ngưỡng điểm xét tuyển của phương thức theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 là tổng điểm 3 môn thi trong tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có). Ngưỡng điểm này cũng là ngưỡng điểm xét tuyển của phương thức xét theo kết quả học tập (học bạ) THPT.

## **2. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026 (xét theo phương thức 500)**

### **a) Đối với ngành Y học cổ truyền**

- Thí sinh tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc khối ngành sức khỏe và đạt một trong các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp văn bằng thứ nhất loại Giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp văn bằng thứ nhất loại Khá và có kết quả học tập cả năm lớp 10, 11 và 12 được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

\* Ngưỡng điểm xét tuyển sau khi quy đổi đạt từ 20 điểm trở lên theo thang điểm 30 không tính điểm ưu tiên, điểm cộng.

### **b) Đối với ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng**

- Thí sinh tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc khối ngành sức khỏe và đạt một trong các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp văn bằng thứ nhất loại Khá trở lên;

+ Tốt nghiệp văn bằng thứ nhất loại Trung bình hoặc Trung bình khá và có điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên theo thang điểm 10.

+ Tốt nghiệp THPT loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

\* Ngưỡng điểm xét tuyển sau khi quy đổi đạt từ 18 điểm trở lên theo thang điểm 30 không tính điểm ưu tiên, điểm cộng.



*Gracie*

### c) Đối với các ngành còn lại

Ngưỡng điểm xét tuyển theo tổ hợp xét tuyển (điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển cả năm các lớp 10, lớp 11, lớp 12) hoặc điểm quy đổi từ điểm tốt nghiệp toàn khóa trình độ trung cấp trở lên đạt từ 15 điểm trở lên theo thang điểm 30 không tính điểm ưu tiên, điểm cộng.

### B. Quy tắc quy đổi tương đương điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

#### 1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

##### a) Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + điểm UT (nếu có)

Trong đó:

- + Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.
- + Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

b) Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp).

#### 2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

##### b) Điểm xét tuyển

- Điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của từng môn trong tổ hợp xét tuyển (ĐMTH) được xác định theo công thức:

$$\text{ĐMTH} = [(\text{ĐMTH lớp 10} * 1) + (\text{ĐMTH lớp 11} * 2) + (\text{ĐMTH lớp 12} * 3)]/6$$

lấy chính xác đến hai chữ số của phần thập phân. Ở đây ĐMTH là điểm môn trong tổ hợp xét tuyển. Ví dụ, thí sinh đăng ký xét tuyển khối A có kết quả môn Toán lớp 10, 11, 12 lần lượt là 6,5; 6,1; 7,1. Khi đó ĐMTH của môn Toán sẽ là  $[(6,5*1)+(6,1*2)+(7,1*3)]/6 = 6,67$ .

- Điểm xét tuyển = ĐMTH môn 1 + ĐMTH môn 2 + ĐMTH môn 3 + điểm UT (nếu có).

Trong đó:

- + Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.
- + Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

#### 3. Điểm xét tuyển (quy đổi tương đương)

| TT       | Phương thức xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT<br>( $c < y \leq d$ ) | Phương thức xét theo kết quả học tập THPT (học bạ)<br>( $a < x \leq b$ ) |
|----------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Khoảng 1 | $15,0 < y \leq 18,0$                                                | $17,0 < x \leq 20,0$                                                     |
| Khoảng 2 | $18,0 < y \leq 20,0$                                                | $20,0 < x \leq 22,0$                                                     |
| Khoảng 3 | $20,0 < y \leq 23,0$                                                | $22,0 < x \leq 25,0$                                                     |
| Khoảng 4 | $23,0 < y \leq 26,0$                                                | $25,0 < x \leq 28,0$                                                     |
| Khoảng 5 | $26,0 < y \leq 30$                                                  | $28,0 < x \leq 30$                                                       |

Công thức quy đổi từ  $x \in [a,b]$  về  $y \in [d,c]$  là:  $y = c + \left(\frac{x-a}{b-a}\right)(d-c)$

Trong đó:

- y là điểm của phương thức gốc



- x là điểm của phương thức cần quy đổi
- a là điểm bắt đầu của khoảng điểm phương thức cần quy đổi
- b là điểm kết thúc của khoảng điểm phương thức cần quy đổi
- c là điểm bắt đầu của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc
- d là điểm kết thúc của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc

Ví dụ, một thí sinh đăng ký vào học ngành Quản trị kinh doanh có điểm học bạ theo tổ hợp x = 21,5 trong khoảng  $20,0 < x \leq 22$ , nên a = 20; b = 22; c = 18 và d = 20. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính:

$$y = c + \left(\frac{x-a}{b-a}\right)(d-c) = 18 + \left(\frac{21,5-20}{22-20}\right)(20 - 18) = 19,5$$

nghĩa là 21,5 điểm học bạ tương đương 19,5 điểm thi tốt nghiệp THPT nếu xét tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh.

d) Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp).

**4. Quy tắc qui đổi Điểm tốt nghiệp toàn khóa trình độ Trung cấp trở lên theo thang điểm 30:**

+ Điểm tốt nghiệp toàn khóa (ĐCK) của chương trình được tính theo thang điểm 10:

$$\text{Điểm quy đổi} = \text{ĐCK của trình độ đã tốt nghiệp} \times 3$$

+ Điểm tốt nghiệp toàn khóa (ĐCK) của chương trình được tính theo thang điểm 4:

$$\text{Điểm quy đổi} = (\text{ĐCK của trình độ đã tốt nghiệp} \times 30) / 4$$

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- HĐTS (để chỉ đạo);
- Các đơn vị trong toàn Trường (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT, TS.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Gia Tín**